

Bản án số: **96/2023/HSST**

Ngày: 04 – 10 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Đào Vi**.

Thẩm phán: Ông Hoàng Quang Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Đáng, ông Nguyễn Quang Tổ và ông Lê Triều Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Thị Ngọc H (tên gọi khác: **Xep**) Giới tính: Nữ. Sinh ngày 12 tháng 3 năm 1995, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo. Nghề nghiệp: Làm nail. Trình độ văn hoá: 11/12. Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: **Số A P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Con ông **Lê Diên T**, sinh năm 1967; con bà: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1974; có chồng là **Trần Lê Xuân H1**, đã ly hôn; có 03 con, lớn nhất 9 tuổi, nhỏ nhất 03 tháng tuổi. Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16/01/2023 cho đến nay, có mặt.

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ ở với gia đình đi học đến lớp 11/12 thì nghỉ học, hành nghề làm nail cho đến ngày phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư **Lê Thị Trà M** – Luật sư của **Công ty L**. Địa chỉ: **I N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Lê Thị Mỹ D**, sinh năm 1995. Địa chỉ: **Số E P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, có mặt.

Ông **Hồ Đ**, sinh năm 1984. Địa chỉ: **Tổ D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 00 ngày 10/01/2023 trước **số nhà B N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, **Lê Thị Ngọc H** bị bắt quả tang khi đang có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Lực lượng chức năng thu giữ của **H** 02 thùng giấy carton, thùng số 1 bên ngoài có dán băng keo, giấy trắng và ghi “**BÉ CẦU VƯỢT 0702755566 CẦU VƯỢT**” bên trong có hai gói nilon chứa tổng cộng 500 viên nén màu hồng tím, một gói nilon chứa tinh thể rắn màu trắng và các gói bao bì, băng keo để bao gói đựng bánh kẹo, bột giặt; thùng số 2 bên ngoài có dán băng keo, giấy trắng và ghi “**BÉ CẦU VƯỢT 0702755566**” bên trong có hai túi nilon màu tím đều chứa tinh thể rắn màu trắng, một túi nilon màu đen chứa chất rắn màu vàng, một túi ni lông chứa 100 viên nén màu hồng tím, hai gói nilon chứa tinh thể rắn màu trắng và các gói bao bì, hộp giấy, băng keo để bao gói đựng bánh kẹo, bột giặt.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Lê Thị Ngọc H** tại nhà **số A đường P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế** thu giữ trong hộp trang điểm để trên tủ quần áo trong phòng ngủ của **H** một gói nilon chứa 38 viên nén màu vàng và một túi nilon chứa tinh thể rắn màu trắng.

Kết quả điều tra xác định: Thông qua các mối quan hệ xã hội, **H** quen biết một người đàn ông tên thường gọi là **K** (không xác định nhân thân, lai lịch và địa chỉ cư trú) đang làm ăn ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, được biết **K** có bán ma túy nên khoảng cuối tháng 12 năm 2022, **H** đặt mua của **K** nửa lạng ma túy “khay”, 50 viên ma túy “kẹo” với giá 32.000.000 đồng nhằm mục đích bán lại cho người khác và được **K** đồng ý. Sau đó **K** gửi số lượng ma túy như **H** đã đặt mua và gửi thêm cho **H** nửa lạng ma túy “khay”, 50 viên ma túy “kẹo” để nhờ **H** giao lại cho người khác. Ma túy được **K** gửi từ Lào về Huế theo tuyến xe khách Viên Chăn (nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào) - Huế (tỉnh Thừa Thiên Huế) bằng hình thức gửi hàng hóa. Nhận được ma túy, **H** lấy nửa lạng ma túy “khay”, 50 viên ma túy “kẹo” giao cho người một người phụ nữ (không biết nhân thân, lai lịch) theo yêu cầu của **K**. Số ma túy còn lại do **H** đặt mua, thông qua một người bạn tên **Nguyễn Văn R** giới thiệu, **H** đem bán cho một người đàn ông (không xác định nhân thân, lai lịch và địa chỉ cư trú) ở Đà Nẵng với số lượng 25 gam ma túy “khay” và 50 viên ma túy “kẹo” với giá 32.000.000 đồng. Người mua đã nhận

được ma túy và trả cho **H** 10.000.000 đồng nhưng chệ ma túy “kẹo” dở nên đã gửi lại cho **H** để đổi loại khác, **H** giấu số ma túy “kẹo” này cùng với gói ma túy khay còn lại vào hộp trang điểm để trên tủ quần áo trong phòng ngủ của mình, sau đó bị Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ khi khám xét.

Vào trưa ngày 09/01/2023, **K** đang ở Lào liên lạc với **H** nói sẽ về Huế và mang về cho **H** 04 thùng bia, hai thùng bánh kẹo được **K** mua từ nước Cộng hòa dân chủ nhân Lào, đồng thời cho **H** biết bên trong hai thùng bánh kẹo có chứa ma túy nhưng không nói rõ cụ thể loại gì và số lượng bao nhiêu. Do khi về Huế, **K** có việc phải về **Vinh T1** (xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) nên nhờ **H** ra nhận hàng có chứa ma túy này và dặn sau khi nhận được hàng và ma túy, **K** sẽ nhắn tin cho **H** biết địa chỉ nơi **K** ở để **H** mang tới cho **K**. Vì được **K** hứa cho bia và bánh kẹo nên **H** đồng ý. Sáng ngày 10/01/2023 **H** và **K** tiếp tục nhắn tin cho nhau, trao đổi việc di chuyển của xe khách và địa điểm nhận hàng. Trong quá trình **H** và **K** liên lạc với nhau qua điện thoại thì **K** nói cho **H** biết việc lực lượng chức năng có bắt ma túy ở **T** (phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) đồng thời nói Hiền từ từ rồi nhận hàng. Khoảng 14 giờ 00 phút, anh **Hồ Đ** (sinh ngày 18/5/1984, trú tại **Tổ D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**), nhân viên **nhà xe Ú** liên lạc với **H** hẹn địa điểm giao nhận hàng. Sợ nếu trực tiếp nhận hàng sẽ bị phát hiện nên **H** liên lạc cho bạn là chị **Lê Thị Mỹ D** (sinh ngày: 11/6/1995, nơi cư trú: **5 P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**) nhờ chị **D** ra trả 200.000 đồng tiền cước vận chuyển cho nhà xe, còn **H** đứng gần đó để quan sát. Sau khi nhận được tiền cước vận chuyển từ chị **D**, anh **Đ** để 02 thùng hàng gửi cho **H** tại trước **số nhà B đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Vào lúc 15 giờ cùng ngày, khi **H** đang nhận 02 thùng hàng này để đi giao cho **K** thì bị phát hiện bắt giữ như đã nêu trên, còn chị **D** được cơ quan điều tra yêu cầu về trụ sở làm việc.

Tại Kết luận giám định số 20/KL-KTHS ngày 13/01/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh T**, kết luận về các chất ma túy đã thu giữ như sau:

- + 500 (năm trăm) viên nén màu hồng tím (thu giữ trong thùng giấy carton 1) có tổng khối lượng là 159 gam là ma túy, loại MDMA.
- + Tinh thể rắn màu trắng (thu giữ trong thùng giấy carton 1) có khối lượng là 100,18 gam là ma túy, loại Ketamine.
- + 100 (một trăm) viên nén màu hồng tím (thu giữ trong thùng giấy carton 2) có tổng khối lượng là 31,81 gam là ma túy, loại MDMA.
- + Tinh thể rắn màu trắng (thu giữ trong 04 gói nilon ở thùng giấy carton 2) có tổng khối lượng 213,54 gam là ma túy, loại Ketamine.

+ Chất rắn màu vàng (dạng bột trộn lẫn với tinh thể, thu giữ trong thùng giấy carton 2) có tổng khối lượng 11,21 gam, tìm thấy thành phần chất ma túy MDMA, Ketamine và N1.

+ Tinh thể rắn màu trắng (thu giữ khi khám xét chỗ ở của Lê Thị Ngọc H tại nhà số A P, phường T, thị xã H) có khối lượng 24,46 gam là ma túy, loại Ketamine.

+ 38 (ba mươi tám) viên nén màu vàng (thu giữ khi khám xét chỗ ở của Lê Thị Ngọc H tại nhà số A P, phường T, thị xã H) có tổng khối lượng là 13,23 gam là ma túy, loại MDMA.

*Vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ:

- 204,04 gam ma túy loại MDMA (638 viên nén); 338,18 gam ma túy loại Ketamine; 11,21 gam tìm thấy thành phần chất ma túy MDMA, Ketamine, N1.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số Imei: 354506122959362 của Lê Thị Ngọc H.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 75H1-553.04, số máy: JF73E0134159, số khung: 7301KY001962 của Lê Thị Ngọc H.

- 02 thùng giấy carton bên ngoài có dán băng keo, giấy trắng và thùng 1 ghi “BÉ CẦU VƯỢT 0702755566 CẦU VƯỢT”, thùng 2 ghi “BÉ CẦU VƯỢT”

- Các loại vỏ hộp giấy, vỏ túi ni lông đựng bánh kẹo, bột giặt và các túi ni lông, băng keo dùng để bao gói ma túy.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Ngọc H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKS-P1 ngày 12 tháng 6 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố Lê Thị Ngọc H về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm p khoản 2 Điều 251; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc H từ 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù đến 16 (mười sáu) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt từ 18 đến 19 năm tù.

+ Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau khi giám định; Tịch thu hóa giá sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số Imei: 354506122959362 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 75H1-553.04, số máy: JF73E0134159, số khung: 7301KY001962 của **Lê Thị Ngọc H**; Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo **Lê Thị Ngọc H** trình bày: Thống nhất như luận tội của Đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo là lao động chính, là mẹ đơn thân nuôi 03 con nhỏ trong đó có 01 cháu mới 03 tháng tuổi, đã ly hôn chồng, xem xét đến ý thức chủ quan của bị cáo đi nhận ma túy thay để đổi lại được đối tượng tên **K** cho 04 thùng bia và 02 thùng bánh kẹo, bản thân bị cáo không biết rõ bên trong thùng hàng chứa đựng bao nhiêu ma túy. Quá trình điều tra bị cáo tự khai ra hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự thú được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51, bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra truy tố được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khi phạm tội bị cáo là người đang mang thai được quy định tại điểm s, n khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s,n, r, t khoản 1 , khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; Về vật chứng là 01 xe mô tô biển kiểm soát 75H1-553.04, số máy: JF73E0134159, số khung: 7301KY001962 của **Lê Thị Ngọc H** thì đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo vì bị cáo không dùng xe này vào việc phạm tội.

Bị cáo không bổ sung ý kiến gì và nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cũng như các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên

tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo **Lê Thị Ngọc H** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

Vào lúc 15 giờ 00 ngày 10/01/2023, tại trước **số nhà B N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, **Lê Thị Ngọc H** đang có hành vi nhận 190,81 gam ma túy loại MDMA; 313,72 gam ma túy loại Ketamine và 11,21 gam có thành phần các chất ma túy MDMA, Ketamine và **N1** nhằm vận chuyển trái phép thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh T** phối hợp với các đơn vị, lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Lê Thị Ngọc H**, Cơ điều quan tra thu giữ thêm 24,46 gam ma túy loại Ketamine và 13,23 gam ma túy loại MDMA Hiện tàng trữ nhằm mục đích bán lại cho người khác.

Hành vi vận chuyển trái phép 190,81 gam ma túy loại MDMA; 313,72 gam ma túy loại Ketamine, các chất ma túy này có khối lượng thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự và 11,21 gam có thành phần chất ma túy MDMA, Ketamine, **N1** của **Lê Thị Ngọc H** đã phạm vào tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Hành vi tàng trữ 13,23 gam ma túy loại MDMA và 24,46 gam ma túy loại Ketamine của **Lê Thị Ngọc H** nhằm mục đích mua bán, hai chất ma túy này đều có khối lượng dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, trong đó cả 02 chất có khối lượng thuộc trường hợp quy định tại các điểm i, n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự nên tỷ lệ phần trăm về khối lượng các chất ma túy so với mức tối thiểu được quy định tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, như sau:

- Tỷ lệ phần trăm MDMA: 13,23 gam so với 30 gam = 44,10%.
- Tỷ lệ phần trăm Ketamine: 24,46 gam so với 100 gam = 24,46%.

Tổng tỷ lệ phần trăm của hai chất là: 68,56% (thuộc trường hợp dưới 100%). Do vậy, hành vi này của **Lê thị Ngọc H** đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện thuộc loại tội đặc biệt nghiêm

trọng xâm phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy, tiếp tay cho lượng người nghiện ma túy ngày càng tăng, làm ảnh hưởng lớn đến công tác đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy mà xã hội đang ra sức thực hiện. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ hành vi vận chuyển ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì vụ lợi bất chính, bị cáo vẫn cố ý thực hiện bất chấp hậu quả. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, bị cáo **Lê Thị Ngọc H** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo đang mang thai nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “người phạm tội là phụ nữ có thai” quy định tại các điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo hiện có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo và chồng đã ly hôn, một mình nuôi 03 con trong đó có 01 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của người bào chữa nêu ra tại phiên tòa là cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự thú được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 và người phạm tội đã phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra truy tố quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã phân tích ở trên, trên cơ sở khung hình phạt quy định, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cải tạo, trở thành công dân tốt cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy: Bị cáo không có thu nhập ổn định, hiện đang nuôi con nhỏ và không có việc làm nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

1. Một hộp giấy được niêm phong kín bằng giấy trắng, băng keo trong; bên trong có chứa chất ma túy và các vật liệu dùng bao gói, niêm phong khi gửi giám định; bên ngoài có các chữ ký ghi họ tên **Trần N2, Đỗ T2**, dấu tròn đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh T** và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Lê thị Ngọc Hiền, bắt ngày 10/01/2023(Mẫu viên nén hồng tím, tinh thể rắn màu trắng, viên nén vàng)”.

2. Một gói niêm phong kín bằng giấy trắng, băng keo trong; bên trong có chứa chất ma túy được đựng trong một túi ni lông; bên ngoài có các chữ ký ghi họ tên **Trần N2, Đỗ T2**, dấu tròn đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh T** và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ **Lê Thị Ngọc H**, bắt ngày 10/01/2023(Mẫu chất rắn màu vàng 2.6)”.

3. 02 thùng giấy carton bên ngoài có dán băng keo, giấy trắng và thùng 1 “BÉ CẦU VƯỢT 0702755566 CẦU VƯỢT”, thùng 2 ghi “BÉ CẦU VƯỢT 0702755566”.

4. Một gói niêm phong kín bằng túi ni lông, giấy trắng, băng keo; bên trong có chứa 11 vỏ túi đựng bánh kẹo, 03 vỏ túi đựng bột giặt, 04 túi ni lông và băng keo; bên ngoài có các chữ ký ghi họ tên **Đỗ T2, Lê Thị Ngọc H** và dấu tròn đỏ của **Công an phường T, T, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Ký hiệu gói (1).

5. Một gói niêm phong kín bằng túi ni lông, giấy trắng, băng keo; bên trong có chứa 07 vỏ hộp giấy đựng bánh kẹo, 07 vỏ túi đựng bột giặt, bánh kẹo, 02 vỏ túi ni lông màu tím, 01 vỏ túi ni lông màu đen, 03 gói ni lông và băng keo; bên ngoài có các chữ ký ghi họ tên **Đỗ T2, Lê Thị Ngọc H** và dấu tròn đỏ của **Công an phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Ký hiệu gói (2).

Trên đây là lượng ma túy thu giữ của bị cáo khi bắt quả tang và các vật dụng dùng để bao gói ma túy, là vật cấm lưu hành nên cần áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, Imei: 354506122959362. Bị cáo khai đã sử dụng điện thoại này để liên lạc vận chuyển ma túy nên có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định điện thoại này là phương tiện phạm tội cần tịch thu hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 75H1-553.04, số máy: JF73E0134159, số khung: 7301KY001962. Bị cáo không dùng xe này để vận chuyển ma túy, không dùng xe làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại xe mô tô này cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

(Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** với Cục thi hành

án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với người tên **K** bán ma túy cho **H** và nhờ **H** đi nhận ma túy, **H** không biết rõ lai lịch, nhân thân và địa chỉ cư trú của người này nên cơ quan điều tra chưa có căn cứ xác minh làm rõ. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

- Đối với chị **Lê Thị Mỹ D** giúp bị cáo **H** trả tiền cước vận chuyển cho nhà xe **Út M1**, khi trả tiền chị **D** không biết bên trong 02 thùng hàng có chứa ma túy nên nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự số bút lục.

- Đối với anh **Hồ Đ** là nhân viên **nhà xe Ú**, khi vận chuyển anh **Đ** không biết bên trong hàng có chứa ma túy. Do vậy, cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

- Đối với **Nguyễn Văn R** ở **đường H, phường A, thành phố H** mà **H** khai giới thiệu cho **H** bán ma túy, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa có kết quả, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

- Đối với người đàn ông ở Đà Nẵng mua ma túy của **H**, **H** chưa gặp và không biết tên, tuổi, địa chỉ cư trú của người này nên Cơ quan điều tra không thể xác minh, điều tra làm rõ.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Cẩn buộc Bị cáo **Lê Thị Ngọc H** phải chịu 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo **Lê Thị Ngọc H** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị Ngọc H** phạm tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm p khoản 2 điều 251; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Ngọc H** 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Tổng hợp hình phạt cả hai tội, buộc Bị cáo phải chấp hành hình phạt 18 (mười tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1 Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy:

1. Một hộp giấy được niêm phong kín bằng giấy trắng, băng keo trong; bên trong có chứa chất ma túy và các vật liệu dùng bao gói, niêm phong khi gửi giám định; bên ngoài có các chữ ký ghi họ tên **Trần N2, Đỗ T2**, dấu tròn đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh T** và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Lê thị Ngọc Hiền, bắt ngày 10/01/2023(Mẫu viên nén hồng tím, tinh thể rắn màu trắng, viên nén vàng)”.

2. Một gói niêm phong kín bằng giấy trắng, băng keo trong; bên trong có chứa chất ma túy được đựng trong một túi ni lông; bên ngoài có các chữ ký ghi họ tên **Trần N2, Đỗ T2**, dấu tròn đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh T** và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ **Lê Thị Ngọc H**, bắt ngày 10/01/2023(Mẫu chất rắn màu vàng 2.6)”.

3. 02 thùng giấy carton bên ngoài có dán băng keo, giấy trắng và thùng 1 “BÉ CẦU VƯỢT 0702755566 CẦU VƯỢT”, thùng 2 ghi “BÉ CẦU VƯỢT 0702755566”.

4. Một gói niêm phong kín bằng túi ni lông, giấy trắng, băng keo; bên trong có chứa 11 vỏ túi đựng bánh kẹo, 03 vỏ túi đựng bột giặt, 04 túi ni lông và băng keo; bên ngoài có các chữ ký ghi họ tên **Đỗ T2, Lê Thị Ngọc H** và dấu tròn đỏ của **Công an phường T, T, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Ký hiệu gói (1).

5. Một gói niêm phong kín bằng túi ni lông, giấy trắng, băng keo; bên trong có chứa 07 vỏ hộp giấy đựng bánh kẹo, 07 vỏ túi đựng bột giặt, bánh kẹo, 02 vỏ túi ni lông màu tím, 01 vỏ túi ni lông màu đen, 03 gói ni lông và băng keo; bên ngoài có các chữ ký ghi họ tên **Đỗ T2, Lê Thị Ngọc H** và dấu tròn đỏ của **Công an phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Ký hiệu gói (2).

3.2 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone, Imei: 354506122959362 của bị cáo **Lê Thị Ngọc H**.

3.3 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo **Lê Thị Ngọc H** 01 xe mô tô biển kiểm soát 75H1-553.04, số máy: JF73E0134159, số khung: 7301KY001962.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** với Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136, điểm e khoản 3 Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Lê Thị Ngọc H** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo **Lê Thị Ngọc H** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT - Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT-Huế;
- Cục THADS tỉnh TT - Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT - Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA, HCTP, KTNV, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRƯỞNG THỊ ĐÀO VI